

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức
trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ các Thông tư của Bộ, ngành hướng dẫn về vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành trong các cơ quan hành chính;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 232/TTr-VPUBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 254/TTr-SNV ngày 22 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

1. Danh mục vị trí việc làm:

- Vị trí việc làm lãnh đạo UBND tỉnh: 02 vị trí;
- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí;
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 12 vị trí;
- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 17 vị trí;
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

(Phụ lục I kèm theo)

2. Cơ cấu ngạch công chức:

- Chuyên viên chính và tương đương: 39,47%;
- Chuyên viên và tương đương: 60,53%;

(Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Ủy quyền cho Văn phòng UBND tỉnh trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ, các Bộ chuyên ngành và tình hình thực tế địa phương, phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm; đồng thời, rà soát, cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thời gian ủy quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế công chức theo quy định. Bố trí công chức theo vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức đảm bảo phù hợp với số lượng biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao hằng năm.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền theo quy định. Hoàn thành việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trước ngày 31/3/2024; đồng thời, tiếp tục cập nhật quy định để hoàn chỉnh, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức (nếu có) theo quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức của Văn phòng UBND tỉnh theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này bị bãi bỏ.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH
THUỘC VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Vị trí việc làm lãnh đạo UBND tỉnh		
1	LĐUB-01	Chủ tịch UBND tỉnh	
2	LĐUB-02	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (06 vị trí)		
1	LĐVP-01	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	
2	LĐVP-02	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh	
3	TPVP	Trưởng phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh	
4	PTPVP	Phó Trưởng phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh	
5	TBTD	Trưởng Ban Tiếp công dân	
6	PTBTD	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành (12 vị trí)		
1	NVCNVP-01	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	
2	NVCNVP-02	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	
3	NVCNVP-03	Chuyên viên chính về thư ký - biên tập	
4	NVCNVP-04	Chuyên viên về thư ký - biên tập	
5	NVCNVP-05	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	
6	NVCNVP-06	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	
7	NVCNVP-07	Chuyên viên chính về quản lý thông tin lãnh đạo	
8	NVCNVP-08	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	
9	NVCNVP-09	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	
10	NVCNVP-10	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	
11	NVCNVP-11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	
12	NVCNVP-12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (17 vị trí)		
1	DCVP-01	Kế toán viên chính	
2	DCVP-02	Kế toán viên	
3	DCVP-03	Chuyên viên về tài chính	
4	DCVP-04	Chuyên viên Thủ quỹ	
5	DCVP-05	Chuyên viên chính về quản trị công sở	
6	DCVP-06	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	

(1)	(2)	(3)	(4)
7	DCVP-07	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	
8	DCVP-08	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	
9	DCVP-09	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	
10	DCVP-10	Chuyên viên chính về Tổng hợp	
11	DCVP-11	Chuyên viên về pháp chế	
12	DCVP-12	Văn thư viên chính	
13	DCVP-13	Văn thư viên	
14	DCVP-14	Chuyên viên về Lưu trữ	
15	DCVP-15	Chuyên viên về cải cách hành chính	
16	DCVP-16	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
17	DCVP-17	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (04 vị trí)		
1	NVVP-01	Nhân viên Kỹ thuật	
2	NVVP-02	Nhân viên Phục vụ	
3	NVVP-03	Nhân viên Bảo vệ	
4	NVVP-04	Nhân viên Lái xe	

Phụ lục II
CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ngạch công chức	Cơ cấu ngạch công chức	
				Số lượng công chức	Tỷ lệ %
		TỔNG CỘNG		64	
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (02 VTVL)			5	
1	LĐUB-01	Chủ tịch UBND tỉnh		1	
2	LĐUB-02	Phó Chủ tịch UBND tỉnh		4	
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG UBND TỈNH (06 VTVL)			21	
3	LĐVP-01	Chánh Văn phòng UBND tỉnh		1	
4	LĐVP-02	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh		4	
5	TPVP	Trưởng phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh		7	
6	PTPVP	Phó Trưởng phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh		8	
7	TBTD	Trưởng Ban Tiếp công dân		0	
8	PTBTD	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân		1	
III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (12 VTVL)			29	
9	NVCNVP-01	Chuyên viên chính tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên chính	5	13,16%
10	NVCNVP-02	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	11	28,95%
11	NVCNVP-03	Chuyên viên chính về thư ký - biên tập	Chuyên viên chính	1	2,63%
12	NVCNVP-04	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên	1	2,63%
13	NVCNVP-05	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính	1	2,63%
14	NVCNVP-06	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	2	5,26%
15	NVCNVP-07	Chuyên viên chính về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên chính	1	2,63%
16	NVCNVP-08	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên	1	2,63%
17	NVCNVP-09	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính	1	2,63%
18	NVCNVP-10	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	3	7,89%
19	NVCNVP-11	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính	1	2,63%
20	NVCNVP-12	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	1	2,63%
IV	VTVL NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (17 VTVL)			9	

STT	Mã VTVL	Tên VTVL	Ngạch công chức	Cơ cấu ngạch công chức	
				Số lượng công chức	Tỷ lệ %
21	DCVP-01	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	1	2,63%
22	DCVP-02	Kế toán viên	Kế toán viên		
23	DCVP-03	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên		
24	DCVP-04	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	1	2,63%
25	DCVP-05	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính	1	2,63%
26	DCVP-06	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	1	2,63%
27	DCVP-07	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên		
28	DCVP-08	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	Chuyên viên chính	1	2,63%
29	DCVP-09	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên		
30	DCVP-10	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính	1	2,63%
31	DCVP-11	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên		
32	DCVP-12	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	1	2,63%
33	DCVP-13	Văn thư viên	Văn thư viên	1	2,63%
34	DCVP-14	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên	1	2,63%
35	DCVP-15	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên		
36	DCVP-16	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên		
37	DCVP-17	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên		
V	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (04 VTVL)				
38	NVVP-01	Nhân viên Kỹ thuật			
39	NVVP-02	Nhân viên Phục vụ			
40	NVVP-03	Nhân viên Bảo vệ			
41	NVVP-04	Nhân viên Lái xe			

Phụ lục III

TỔNG HỢP CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Số lượng/Loại ngạch công chức			Cơ cấu ngạch công chức	
Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức		Số lượng công chức	Tỷ lệ %
6	Loại B	Chuyên viên chính	13	34,21%
		Văn thư viên chính	1	2,63%
		Kế toán viên chính	1	2,63%
	Loại C	Chuyên viên	22	57,90%
		Văn thư viên	1	2,63%
		Kế toán viên	0	0%